ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/BC-UBND	*Tích Lương, ngày 10 tháng 01 năm 2022*

BÁO CÁO
Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn phường Tích Lương năm 2021

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Thực hiện công văn số 09/UBND-TCKH ngày 05/01/2022 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc báo cáo tài sản công;

UBND Phường Tích Lương báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021, nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

1.1. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị:

Tổng giá trị tài sản nhà nước đơn vị trực tiếp sử dụng tại cơ sở dữ liệu trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước đến ngày 31/12/2021 là 53.169.147.675 đồng, trong đó: Tài sản là đất: 33.043.400.000 đồng; Tài sản là nhà, công trình xây dựng: 4.853.083.930 đồng; Tài sản là vật kiến trúc: 1.665.627.000 đồng; Tài sản là máy móc thiết bị: 191.405.000 đồng, Tài sản cố định hữu hình khác: 19.772.663.000 đồng, Tài sản cố định vô hình : 12.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản nhà nước đơn vị trực tiếp sử dụng tăng (*theo nguyên giá*) trong năm 2021 là 19.805.538.000 đồng. Trong đó: Tài sản là máy móc thiết bị tăng 32.875.000 đồng, tài sản cố định khác (2 tuyến đường bê tông có phê duyệt quyết toán đưa vào tăng tài sản): 19.772.663.000 đồng.

(Có biểu số 01A, 01B, 01C, 01D, 01F-ĐK/TSNN kèm theo)

1.2. Những mặt tích cực, tồn tại trong quản lý, sử dụng tài sản công

- Việc quản lý, xử lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo đúng thẩm quyền phân cấp theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, công tác xử lý tài sản công đảm bảo theo đúng quy định.

- Việc tuân thủ quy định về xây dựng trụ sở làm việc; tiêu chuẩn, định mức, mục đích sử dụng trang thiết bị và phương tiện làm việc đơn vị, mua sắm máy móc trang thiết bị được thực hiện đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Căn cứ Thông tư

số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Việc theo dõi, hạch toán giá trị tài sản trên sổ sách kế toán: UBND Phường đã bổ sung, nhập trên phần mềm tài sản nhà nước theo dõi các tài sản phát sinh trong năm.

1.3. Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác, quản lý, sử dụng tài sản công. *(Không có)*

2. Báo cáo công tác sắp xếp lại và xử lý tài sản là nhà đất

Căn cứ QĐ số 861/QĐ-UBND ngày 12/04/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của 21 đơn vị thuộc UBND thành phố Thái Nguyên, UBND Phường Tích Lương có 01 cơ sở nhà đất giữ lại tiếp tục sử dụng (Trụ sở UBND: Nhà: 816m^2, Đất: 1.874,6 m^2)

(Có phụ biểu 01 kèm theo)

3. Báo cáo kê khai tài sản công

UBND phường đã thực hiện kê khai tài sản đối với những tài sản phát sinh trong năm 2021, cập nhập số liệu trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước.

(Có mẫu số 04c-ĐK/TSC kèm theo)

4. Báo cáo công khai tài sản

UBND phường đã thực hiện công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công năm 2021 theo mẫu 09a-CK/TSC, công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp năm 2021 theo mẫu 09b-CK/TSC, công khai tình hình quản lý tài sản cố định khác theo mẫu 09c-CK/TSC.

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND.

Trên đây là báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021 của UBND phường Tích Lương./.

Nơi nhận:
- UBND TP.Thái Nguyên;
- Phòng TCKH thành phố;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Lê Thống

PHỤ BIỂU 01

TỔNG HỢP CÁC CƠ SỞ SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ , ĐẤT

STT	Tên đơn vị	Tổng số cơ sở nhà đất thực hiện sắp xếp	Cơ sở nhà, đất đã thực hiện sắp xếp		Cơ sở nhà, đất chưa thực hiện sắp xếp (bao gồm các cơ sở đang thực hiện sắp xếp nhưng chưa có QĐ)	Nguyên nhân chưa thực hiện sắp xếp
			Số cơ sở nhà, đất	Quyết định đã phê duyệt		
1	UBND phường Tích Lương	1	1	QĐ số 861/QĐ-UBND ngày 12/04/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của 21 đơn vị thuộc UBND thành phố Thái Nguyên		

Người lập biểu

Nguyễn Thu Thảo

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Lê Thống

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040

Biểu số: 01A-ĐK/TSNN

BÁO CÁO TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Thời điểm báo cáo: 31/12/2021
Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số tầng	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Nguyên giá			Giá trị còn lại
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách	Nguồn khác	
Đất				**3**	**5.829,60**		**33.043.400.000**	**33.043.400.000**		**33.043.400.000**
Đất trụ sở				1	1.871,00		9.355.000.000	9.355.000.000		9.355.000.000
Đất được giao không thu tiền sử dụng đất	1992			1	1.871,00	100	9.355.000.000	9.355.000.000		9.355.000.000
Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp				2	3.958,60		23.688.400.000	23.688.400.000		23.688.400.000
Đất công trình công cộng				1	1.340,60		5.362.400.000	5.362.400.000		5.362.400.000
Đất được giao không thu tiền sử dụng đất	2004			1	1.340,60	100	5.362.400.000	5.362.400.000		5.362.400.000
Đất hoạt động sự nghiệp khác				1	2.618,00		18.326.000.000	18.326.000.000		18.326.000.000
Chĩ Ba nhÊt	1993			1	2.618,00	100	18.326.000.000	18.326.000.000		18.326.000.000
Nhà, công trình xây dựng				**10**	**2.068,00**		**4.853.083.930**	**3.725.769.000**	**1.127.314.930**	**1.474.440.275**
Nhà cấp IV				10	2.068,00		4.853.083.930	3.725.769.000	1.127.314.930	1.474.440.275
Nhà làm việc hai tầng	2019	Nhà cấp IV	2	1	80,00	80	1.165.783.000	1.165.783.000		932.509.822
Nhà bán mái chợ	2002		1	1	60,00		23.801.930		23.801.930	
Nhà làm việc	1992		2	1	360,00		1.072.000.000	1.072.000.000		
trạm cai nghiện	2002		1	1	80,00		35.843.000	35.843.000		
Nhà làm việc 2 tầng	2012		2	1	366,00	40	847.855.000	847.855.000		343.211.704
Ki ốt chợ	2004		2	1	240,00		858.929.000		858.929.000	

Nhà làm việc công an	2012		1	1	90,00	40	490.906.000	490.906.000		198.718.749
Đài tưởng niệm	2004		1	1	50,00		113.382.000	113.382.000		
Nhà cầu chợ	2002		1	1	702,00		207.025.000		207.025.000	
nhà ki ốt	1992		1	1	40,00		37.559.000		37.559.000	
Vật kiến trúc				**4**	**1.107,91**		**1.665.627.000**	**1.665.627.000**		**1.274.497.650**
Kè, đập, đê, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ tàu				3	1.062,91		1.578.239.000	1.578.239.000		1.257.020.050
XD kênh mương N13 phường Tích Lương	2017			1	470,00	80	532.420.000	532.420.000		425.936.000
Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh mương tổ 2 Phường Tích Lương	2019			1	92,91	85	467.198.000	467.198.000		397.118.300
Xây mới cửa vào cống, kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Làng Trôi	2016			1	500,00	75	578.621.000	578.621.000		433.965.750
Các vật kiến trúc khác				1	45,00		87.388.000	87.388.000		17.477.600
nền, cổng chợ	2013			1	45,00	20	87.388.000	87.388.000		17.477.600
Máy móc, thiết bị				**13**			**191.405.000**	**191.405.000**		**68.529.625**
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến				7			98.330.000	98.330.000		32.480.000
Máy vi tính để bàn				6			88.330.000	88.330.000		24.480.000
m,y vi tÝnh	2013			1			26.680.000	26.680.000		
M,y tÝnh	2010			1			20.850.000	20.850.000		
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	2020			1		60	10.200.000	10.200.000		6.120.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	2020			1		60	10.200.000	10.200.000		6.120.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	2020			1		60	10.200.000	10.200.000		6.120.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	2020			1		60	10.200.000	10.200.000		6.120.000
Máy scan				1			10.000.000	10.000.000		8.000.000
Máy scan một cửa	2021			1		80	10.000.000	10.000.000		8.000.000
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị				6			93.075.000	93.075.000		36.049.625

Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng loại với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (nhóm 601)				2			29.960.000	29.960.000		11.984.000
Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)				2			29.960.000	29.960.000		11.984.000
Máy tính xách tay Dell	2018			1		40	14.980.000	14.980.000		5.992.000
Máy tính xách tay Dell	2018			1		40	14.980.000	14.980.000		5.992.000
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị				4			63.115.000	63.115.000		24.065.625
Thiết bị âm thanh				3			50.240.000	50.240.000		12.800.000
Loa đẩy yamaha P5000X	2019			1		40	12.000.000	12.000.000		4.800.000
Loa ®µi	2013			1			28.240.000	28.240.000		
Loa kéo	2021			1		80	10.000.000	10.000.000		8.000.000
Camera giám sát				1			12.875.000	12.875.000		11.265.625
Hệ thống camera	2021			1		88	12.875.000	12.875.000		11.265.625
Tài sản cố định hữu hình khác				**2**			**19.772.663.000**	**17.559.787.800**	**2.212.875.200**	**17.301.080.125**
Đường Bê tông tổ 2,3,6,8 Phường Tích Lương	2021			1		88	5.532.188.000	3.319.312.800	2.212.875.200	4.840.664.500
Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tích Lương đoạn từ khu dân cư Nam đại học công nghiệp đến vị trí giao với đường Quốc lộ 3 mới	2021			1		88	14.240.475.000	14.240.475.000		12.460.415.625
Tài sản cố định vô hình				**1**			**12.000.000**	**12.000.000**		**7.200.000**
Phần mềm ứng dụng				1			12.000.000	12.000.000		7.200.000
Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư PABMIS	2020			1		60	12.000.000	12.000.000		7.200.000

Tổng cộng				**33**	**9.005,51**		**59.538.178.930**	**56.197.988.800**	**3.340.190.130**	**53.169.147.675**

,Ngày 31.. tháng 12.. năm ..2021

Chức danh người lập biểu	**Chức danh kế toán trưởng**	**Chức danh thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên và đóng dấu)	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thu Thảo	**Nguyễn Thu Thảo**	**Nguyễn Lê Thống**

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040

Biểu số :01B-ĐK/TSNN

BÁO CÁO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Thời điểm báo cáo: 31/12/2021
Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng.

Tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà	Số tầng	Diện tích	Hiện trạng sử dụng						
					Trụ sở làm việc	Sử dụng khác					
						Cơ sở HĐSN	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Khác
Đất				**5.829,60**	**1.871,00**						**3.958,60**
Đất trụ sở				**1.871,00**	**1.871,00**						
Đất được giao không thu tiền sử dụng đất	1992	Đất trụ sở		1.871,00	1.871,00						
Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp				**3.958,60**							**3.958,60**
Đất công trình công cộng				**1.340,60**							**1.340,60**
Đất được giao không thu tiền sử dụng đất	2004	Đất công trình công cộng		1.340,60							1.340,60
Đất hoạt động sự nghiệp khác				**2.618,00**							**2.618,00**
Chì Ba nhÊt	1993	Đất hoạt động sự nghiệp khác		2.618,00							2.618,00
Nhà, công trình xây dựng				**2.068,00**	**896,00**						**1.172,00**
Nhà cấp IV				**2.068,00**	**896,00**						**1.172,00**
Ki ốt chợ	2004	Nhà cấp IV	2	240,00							240,00
Nhà làm việc công an	2012	Nhà cấp IV	1	90,00	90,00						
Đài tưởng niệm	2004	Nhà cấp IV	1	50,00							50,00
Nhà cầu chợ	2002	Nhà cấp IV	1	702,00							702,00
nhà ki ốt	1992	Nhà cấp IV	1	40,00							40,00
Nhà làm việc 2 tầng	2012	Nhà cấp IV	2	366,00	366,00						
trạm cai nghiện	2002	Nhà cấp IV	1	80,00							80,00
Nhà làm việc	1992	Nhà cấp IV	2	360,00	360,00						
Nhà bán mái chợ	2002	Nhà cấp IV	1	60,00							60,00
Nhà làm việc hai	2019	Nhà	2	80,00	80,00						

tầng		cấp IV									
Tổng cộng				**7.897,60**	**2.767,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**5.130,60**

, ngày .31.. tháng .12. năm ...2021

Kế toán	**Kế toán**	**Giám đốc**
	Nguyễn Thu Thảo	CHỦ TỊCH Nguyễn Lê Thống

Bộ, nghành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040

Biểu số: 01C-ĐK/TSNN

BÁO CÁO TĂNG GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
Đất	**1**	**3**	**5.829,60**	**33.043.400.000**							**3**	**5.829,60**	**33.043.400.000**
Đất trụ sở	**101**	**1**	**1.871,00**	**9.355.000.000**							**1**	**1.871,00**	**9.355.000.000**
Đất được giao không thu tiền sử dụng đất	T55046040-101-1	1	1.871,00	9.355.000.000							1	1.871,00	9.355.000.000
Đất phục vụ hoạt động sự nghiệp	**102**	**2**	**3.958,60**	**23.688.400.000**							**2**	**3.958,60**	**23.688.400.000**
Đất công trình công cộng	**10208**	**1**	**1.340,60**	**5.362.400.000**							**1**	**1.340,60**	**5.362.400.000**
Đất được giao không thu tiền sử dụng đất	T55046040-10208-5	1	1.340,60	5.362.400.000							1	1.340,60	5.362.400.000
Đất hoạt động sự nghiệp khác	**10209**	**1**	**2.618,00**	**18.326.000.000**							**1**	**2.618,00**	**18.326.000.000**
Chĩ Ba nhÊt	T55046040-10209-6	1	2.618,00	18.326.000.000							1	2.618,00	18.326.000.000
Nhà, công trình xây dựng	**2**	**10**	**2.068,00**	**4.853.083.930**							**10**	**2.068,00**	**4.853.083.930**
Nhà cấp IV	**205**	**10**	**2.068,00**	**4.853.083.930**							**10**	**2.068,00**	**4.853.083.930**
Đài tưởng niệm	T55046040-205-10	1	50,00	113.382.000							1	50,00	113.382.000

Nhà bán mái chợ	T55046040-205-13	1	60,00	23.801.930							1	60,00	23.801.930
Ki ốt chợ	T55046040-205-14	1	240,00	858.929.000							1	240,00	858.929.000
Nhà cầu chợ	T55046040-205-16	1	702,00	207.025.000							1	702,00	207.025.000
trạm cai nghiện	T55046040-205-8	1	80,00	35.843.000							1	80,00	35.843.000
Nhà làm việc công an	T55046040-205-15	1	90,00	490.906.000							1	90,00	490.906.000
nhà ki ốt	T55046040-205-12	1	40,00	37.559.000							1	40,00	37.559.000
Nhà làm việc hai tầng	T55046040-205-72	1	80,00	1.165.783.000							1	80,00	1.165.783.000
Nhà làm việc	T55046040-205-11	1	360,00	1.072.000.000							1	360,00	1.072.000.000
Nhà làm việc 2 tầng	T55046040-205-9	1	366,00	847.855.000							1	366,00	847.855.000
Vật kiến trúc	**3**	**4**	**1.107,91**	**1.665.627.000**							**4**	**1.107,91**	**1.665.627.000**
Kè, đập, đê, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ tàu	**302**	**3**	**1.062,91**	**1.578.239.000**							**3**	**1.062,91**	**1.578.239.000**
XD kênh mương N13 phường Tích Lương	T55046040-301-19	1	470,00	532.420.000							1	470,00	532.420.000
Xây mới cửa vào cống, kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Làng Trôi	T55046040-302-18	1	500,00	578.621.000							1	500,00	578.621.000
Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh mương tổ 2 Phường Tích Lương	T55046040-302-76	1	92,91	467.198.000							1	92,91	467.198.000
Các vật kiến trúc khác	**304**	**1**	**45,00**	**87.388.000**							**1**	**45,00**	**87.388.000**
nền, cổng chợ	T55046040-304-4	1	45,00	87.388.000							1	45,00	87.388.000
Máy móc, thiết bị	**6**	**10**		**158.530.000**	**3**		**32.875.000**				**13**		**191.405.000**
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	**601**	**6**		**88.330.000**	**1**		**10.000.000**				**7**		**98.330.000**

Máy vi tính để bàn	**60101**	**6**		**88.330.000**							**6**		**88.330.000**
m,y vi tÝnh	T55046040-501-3	1		26.680.000							1		26.680.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-77	1		10.200.000							1		10.200.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-80	1		10.200.000							1		10.200.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-79	1		10.200.000							1		10.200.000
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-78	1		10.200.000							1		10.200.000
M,y tÝnh	T55046040-501-7	1		20.850.000							1		20.850.000
Máy scan	**60112**				**1**		**10.000.000**				**1**		**10.000.000**
Máy scan một cửa	T55046040-60112-84				1		10.000.000				1		10.000.000
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**602**	**4**		**70.200.000**	**2**		**22.875.000**				**6**		**93.075.000**
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng loại với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (nhóm 601)	**60201**	**2**		**29.960.000**							**2**		**29.960.000**
Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)	**6020102**	**2**		**29.960.000**							**2**		**29.960.000**
Máy tính xách tay Dell	T55046040-6020102-70	1		14.980.000							1		14.980.000
Máy tính xách tay Dell	T55046040-6020102-69	1		14.980.000							1		14.980.000
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**60202**	**2**		**40.240.000**	**2**		**22.875.000**				**4**		**63.115.000**

Thiết bị âm thanh	**6020207**	**2**		**40.240.000**	**1**		**10.000.000**				**3**		**50.240.000**
Loa ®µi	T55046040-513-2	1		28.240.000							1		28.240.000
Loa đẩy yamaha P5000X	T55046040-6020207-74	1		12.000.000							1		12.000.000
Loa kéo	T55046040-6020207-86				1		10.000.000				1		10.000.000
Camera giám sát	**6020216**				**1**		**12.875.000**				**1**		**12.875.000**
Hệ thống camera	T55046040-6020216-85				1		12.875.000				1		12.875.000
Tài sản cố định hữu hình khác	**8**				**2**		**19.772.663.000**				**2**		**19.772.663.000**
Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tích Lương đoạn từ khu dân cư Nam đại học công nghiệp đến vị trí giao với đường Quốc lộ 3 mới	T55046040-8-83				1		14.240.475.000				1		14.240.475.000
Đường Bê tông tổ 2,3,6,8 Phường Tích Lương	T55046040-8-82				1		5.532.188.000				1		5.532.188.000
Tài sản cố định vô hình	**12**	**1**		**12.000.000**							**1**		**12.000.000**
Phần mềm ứng dụng	**1204**	**1**		**12.000.000**							**1**		**12.000.000**
Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư PABMIS	T55046040-1204-81	1		12.000.000							1		12.000.000
TỔNG CỘNG		**28**	**9005,51**	**39.732.640.930**	**5**		**19.805.538.000**				**33**	**9.005,51**	**59.538.178.930**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chức danh người lập biểu	Chức danh kế toán trưởng	Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ, tên)	(Ký và ghi rõ họ, tên)	(Ký và ghi rõ họ, tên)
Nguyễn Thu Thảo	Nguyễn Thu Thảo	Nguyễn Lê Thống

Bộ, ngành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040

Biểu số 01D - ĐK/TSNN

BÁO CÁO TĂNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021
Chi tiết tài sản đến bậc : 6;
Lý do tăng :

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Năm đưa vào sử dụng	Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật	Số lượng tài sản	Diện tích	Tỷ lệ chất lượng còn lại(%)	Nguyên giá			Giá trị còn lại
							Tổng cộng	Trong đó		
								Ngân sách	Nguồn khác	
Máy móc, thiết bị	**6**			**3**			**32.875.000**	**32.875.000**		**27.265.625**
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	**601**			**1**			**10.000.000**	**10.000.000**		**8.000.000**
Máy scan	**60112**			**1**			**10.000.000**	**10.000.000**		**8.000.000**
Máy scan một cửa	T55046040-60112-84	2021	Máy scan	1		80	10.000.000	10.000.000		8.000.000
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**602**			**2**			**22.875.000**	**22.875.000**		**19.265.625**
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**60202**			**2**			**22.875.000**	**22.875.000**		**19.265.625**
Thiết bị âm thanh	**6020207**			**1**			**10.000.000**	**10.000.000**		**8.000.000**
Loa kéo	T55046040-6020207-86	2021	Thiết bị âm thanh	1		80	10.000.000	10.000.000		8.000.000
Camera giám sát	**6020216**			**1**			**12.875.000**	**12.875.000**		**11.265.625**
Hệ thống camera	T55046040-6020216-85	2021	Camera giám sát	1		88	12.875.000	12.875.000		11.265.625
Tài sản cố định hữu hình khác	**8**			**2**			**19.772.663.000**	**17.559.787.800**	**2.212.875.200**	**17.301.080.125**
Đường Bê tông tổ 2,3,6,8 Phường Tích	T55046040-8-82	2021	Tài sản cố định hữu	1		88	5.532.188.000	3.319.312.800	2.212.875.200	4.840.664.500

Lương			hình khác							
Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tích Lương đoạn từ khu dân cư Nam đại học công nghiệp đến vị trí giao với đường Quốc lộ 3 mới	T55046040-8-83	2021	Tài sản cố định hữu hình khác	1		88	14.240.475.000	14.240.475.000		12.460.415.625
Tổng cộng				**5**			**19.805.538.000**	**17.592.662.800**	**2.212.875.200**	**17.328.345.750**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chức danh người lập biểu	Chức danh kế toán trưởng	Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thu Thảo	Nguyễn Thu Thảo	Nguyễn Lê Thống

Bộ, nghành, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Tên đơn vị: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040

Biểu số: 01F-ĐK/TSNN

BÁO CÁO HAO MÒN TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

(Áp dụng cho tài sản không phải là đất)
Hao mòn năm: 2021
Chi tiết tài sản đến bậc: 6

ĐVT cho cột giá trị là: Đồng

Tài sản	Mã số	Số hao mòn trong năm	Lũy kế hao mòn	Ghi chú
Nhà, công trình xây dựng	**2**	**77.757.726**	**2.581.813.108**	
Nhà cấp IV	**205**	**77.757.726**	**2.581.813.108**	
Ki ốt chợ	T55046040-205-14		858.929.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Nhà làm việc	T55046040-205-11		1.072.000.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Nhà cầu chợ	T55046040-205-16		207.025.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
nhà ki ốt	T55046040-205-12		37.559.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Đài tưởng niệm	T55046040-205-10		113.382.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
trạm cai nghiện	T55046040-205-8		35.843.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Nhà làm việc hai tầng	T55046040-205-72	77.757.726	233.273.178	
Nhà bán mái chợ	T55046040-205-13		23.801.930	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Vật kiến trúc	**3**	**23.359.900**	**70.079.700**	
Kè, đập, đê, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ tàu	**302**	**23.359.900**	**70.079.700**	
Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh mương tổ 2 Phường Tích Lương	T55046040-302-76	23.359.900	70.079.700	
Máy móc, thiết bị	**6**	**16.169.375**	**104.899.375**	
Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	**601**	**10.160.000**	**65.850.000**	
Máy vi tính để bàn	**60101**	**8.160.000**	**63.850.000**	
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-77	2.040.000	4.080.000	
m,y vi tÝnh	T55046040-501-3		26.680.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
M,y tÝnh	T55046040-501-7		20.850.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-80	2.040.000	4.080.000	
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-79	2.040.000	4.080.000	
Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	T55046040-60101-78	2.040.000	4.080.000	
Máy scan	**60112**	**2.000.000**	**2.000.000**	

Máy scan một cửa	T55046040-60112-84	2.000.000	2.000.000	
Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**602**	**6.009.375**	**39.049.375**	
Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị	**60202**	**6.009.375**	**39.049.375**	
Thiết bị âm thanh	**6020207**	**4.400.000**	**37.440.000**	
Loa đẩy yamaha P5000X	T55046040-6020207-74	2.400.000	7.200.000	
Loa kéo	T55046040-6020207-86	2.000.000	2.000.000	
Loa ®µi	T55046040-513-2		28.240.000	Luỹ kế hao mòn đã bằng nguyên giá
Camera giám sát	**6020216**	**1.609.375**	**1.609.375**	
Hệ thống camera	T55046040-6020216-85	1.609.375	1.609.375	
Tài sản cố định hữu hình khác	**8**	**2.471.582.875**	**2.471.582.875**	
Đường Bê tông tổ 2,3,6,8 Phường Tích Lương	T55046040-8-82	691.523.500	691.523.500	
Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tích Lương đoạn từ khu dân cư Nam đại học công nghiệp đến vị trí giao với đường Quốc lộ 3 mới	T55046040-8-83	1.780.059.375	1.780.059.375	
Tài sản cố định vô hình	**12**	**2.400.000**	**4.800.000**	
Phần mềm ứng dụng	**1204**	**2.400.000**	**4.800.000**	
Phần mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư PABMIS	T55046040-1204-81	2.400.000	4.800.000	
TỔNG CỘNG		**2.591.269.876**	**5.233.175.058**	

,Ngày 31. tháng 12 năm 2021

Chức danh người lập biểu	Chức danh kế toán trưởng	Chức danh thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ, tên)	(Ký và ghi rõ họ, tên)	(Ký và ghi rõ họ, tên)
Nguyễn Thu Thảo	**Nguyễn Thu Thảo**	**Nguyễn Lê Thống**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Thành phố Thái Nguyên
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu số 04c-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ (NGOÀI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, XE Ô TÔ)

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (nghìn đồng)				HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (chiếc)					
					Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
					Tổng cộng	Trong đó				Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
						Nguồn NSNN	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1 - Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tích Lương đoạn từ khu dân cư Nam đại học công nghiệp đến vị trí giao với đường Quốc lộ 3 mới	T55046040-8-83			15/12/2021	14.240.475,00	14.240.475,00		12.460.415,63						X
2 - Đường Bê tông tổ 2,3,6,8 Phường Tích Lương	T55046040-8-82			09/04/2021	5.532.188,00	3.319.312,80	2.212.875,20	4.840.664,50						X
3 - Hệ	T55046040-			16/09/2021	12.875,00	12.875,00		11.265,63	X					

thống camera	6020216-85													
4 - Máy scan một cửa	T55046040-60112-84			16/09/2021	10.000,00	10.000,00		8.000,00	X					
5 - Loa kéo	T55046040-6020207-86			20/04/2021	10.000,00	10.000,00		8.000,00	X					
TỔNG CỘNG:					**19.805.538,00**	**17.592.662,80**	**2.212.875,20**	**17.328.345,75**						

.....,ngày.....tháng.....năm.....
Xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có)
(Ký, họ tên và đóng dấu)

.....,ngày 31 tháng 12 năm 2021
THỦ TRƯỞNG, CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

U.B.N.D PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG T.P HẢI PHÒNG

CHỦ TỊCH
Nguyễn Lê Thống

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☑
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Thành phố Thái Nguyên
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm		3				32.875,00						
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác		3				32.875,00						
	Máy scan một cửa		1				10.000,00	Chỉ định					
	Loa kéo		1				10.000,00	Chỉ định					
	Hệ thống camera		1				12.875,00	Chỉ định					
II	Tài sản giao mới												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
III	Tài sản đi thuê												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												

IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thu Thảo

.....,ngày 31....tháng...12..năm...2021
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

U.B.N.D PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG T.P THÁI NGUYÊN

CHỦ TỊCH
Nguyễn Lê Thống

Ghi chú:
- Thời điểm được xác định là đã hoàn thành việc mua sắm tài sản là thời điểm hoàn thành việc chuyển giao tài sản, thanh toàn và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
- Cột số 9: Ghi rõ hình thức mua sắm/thuê: Đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Thành phố Thái Nguyên
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2021

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đên thời điểm công khai (m²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m²)	Giá trị theo sổ kế toàn (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đên thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m²))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Chĩ ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																				
1.1	Nhà bán mái chợ,Chĩ ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									2002	60,00	23.801,93								60,00	
2	Đất được giao không thu tiền sử dụng đất,phường Tích Lương TPTN.	1.871,00	9.355.000,00	1.871,00																	

	Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
3	tổ 9, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
3.1	Nhà làm việc hai tầng,tổ 9, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									2019	80,00	1.165.783,00	932.509,82	80,00								
4	phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
4.1	Nhà làm việc,phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									1992	360,00	1.072.000,00		360,00								
5	phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
5.1	trạm cai nghiện,phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành									2002	80,00	35.843,00									80,00	

	phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
6	phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
6.1	Nhà làm việc 2 tầng,phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									2012	366,00	847.855,00	343.211,70	366,00								
7	Chì ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
7.1	nhà ki ốt,Chì ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									1992	40,00	37.559,00									40,00	
8	Chì ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																					
8.1	Nhà cầu chợ,Chì ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									2002	702,00	207.025,00									702,00	

9	Đất được giao không thu tiền sử dụng đất,Tổ 13, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	1.340,60	5.362.400,00						1.340,60														
10	Tổ 13, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																						
10.1	Đài tưởng niệm,Tổ 13, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									2004	50,00	113.382,00									50,00		
11	phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																						
11.1	Nhà làm việc công an,phường Tích Lương TPTN, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên									2012	90,00	490.906,00	198.718,75	90,00									
12	Chĩ ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																						
12.1	Ki ốt chợ,Chĩ ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái									2004	240,00	858.929,00									240,00		

	Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên																				
13	Chỉ Ba nhÊt,Chỉ ba nhÊt ph-êng TÝch L-¬ng, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	2.618,00	18.326.000,00						2.618,00												

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thu Thảo

.....,ngày 31 tháng 12 năm 2021
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

U.B.N.D PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG T.P THÁI NGUYÊN

CHỦ TỊCH
Nguyễn Lê Thống

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Thành phố Thái Nguyên
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND Phường Tích Lương
Mã đơn vị: T55046040
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2021

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại							
				Tổng cộng	Trong đó			Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Ô tô													
II	Tài sản cố định khác		20	21.641.695,00	19.428.819,80	2.212.875,20	18.651.307,40							
	Tài sản trên 500 triệu		4	20.883.704,00	18.670.828,80	2.212.875,20	18.160.981,88							
1	XD kênh mương N13 phường Tích Lương		1	532.420,00	532.420,00		425.936,00							
2	Xây mới cửa vào cống, kênh dẫn vào bể hút trạm bơm Làng Trôi		1	578.621,00	578.621,00		433.965,75							
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Tích Lương đoạn từ khu dân cư Nam đại học công nghiệp đến vị trí giao với đường		1	14.240.475,00	14.240.475,00		12.460.415,63							X

	Quốc lộ 3 mới														
4	Đường Bê tông tổ 2,3,6,8 Phường Tích Lương		1	5.532.188,00	3.319.312,80	2.212.875,20	4.840.664,50								X
	Tài sản dưới 500 triệu		**16**	**757.991,00**	**757.991,00**		**490.325,53**								
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh mương tổ 2 Phường Tích Lương		1	467.198,00	467.198,00		397.118,30								
2	nền, cổng chợ		1	87.388,00	87.388,00		17.477,60								
3	M,y tÝnh		1	20.850,00	20.850,00										
4	m,y vi tÝnh		1	26.680,00	26.680,00										
5	Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	Phòng Địa chính	1	10.200,00	10.200,00		6.120,00								
6	Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	Phòng Chủ tịch UBND	1	10.200,00	10.200,00		6.120,00								
7	Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	Phòng Tư pháp	1	10.200,00	10.200,00		6.120,00								
8	Bộ máy tính để bàn Đông Nam Á	Phòng Văn hóa	1	10.200,00	10.200,00		6.120,00								
9	Máy scan một cửa	Văn phòng UBND	1	10.000,00	10.000,00		8.000,00								
10	Máy tính xách tay Dell	Văn phòng UBND	1	14.980,00	14.980,00		5.992,00								
11	Máy tính xách tay Dell	Phòng Kế toán	1	14.980,00	14.980,00		5.992,00								
12	Loa kéo		1	10.000,00	10.000,00		8.000,00								
13	Loa ®µi		1	28.240,00	28.240,00										
14	Loa đẩy yamaha P5000X		1	12.000,00	12.000,00		4.800,00								
15	Hệ thống camera		1	12.875,00	12.875,00		11.265,63								X
16	Phần mềm quản lý ngân sách dự án		1	12.000,00	12.000,00		7.200,00								

	đầu tư PABMIS													
	Tổng		**20**	**21.641.695,00**	**19.428.819,80**	**2.212.875,20**	**18.651.307,40**							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thu Thảo

....., ngày 31 tháng 12 năm 2021
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

U.B.N.D PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG T.P THÁI NGUYÊN

CHỦ TỊCH
Nguyễn Lê Thống